

Số: 20 /2021/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VINA2**

*Về việc phê duyệt thời gian tổ chức; chương trình, nội dung và tài liệu họp ĐHĐCĐ năm 2021*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VINA2**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2 được Đại hội đồng cổ đông thường niên sửa đổi, bổ sung và thông qua ngày 19/3/2020;
- Căn cứ Biên bản họp số 49./2021/BB-HĐQT ngày 06/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2 phê duyệt thời gian tổ chức; chương trình, nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thời gian tổ chức; chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:**

Thông nhất phê duyệt thời gian tổ chức; chương trình, nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty theo nội dung Tờ trình số /2021/TT-TCHC ngày 02/04/2021 của Tổng giám đốc Công ty, cụ thể:

• **Thời gian tổ chức:**

ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2 được tổ chức lúc **13h30 ngày 28 tháng 4 năm 2021** tại trụ sở chính của Công ty tại tầng 2-4, tòa B, KĐT M Kim Văn, Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

• **Nội dung, chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:**

1. **Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021** (Phụ lục 1- Đính kèm Tờ trình này)
2. **Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch; Đoàn thư ký; Ban kiểm phiếu biểu quyết và Quy chế làm việc tại Đại hội** (Phụ lục 2- Đính kèm Tờ trình này)
3. **Báo cáo của Ban điều hành về tình hình SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty** (Phụ lục 3- Đính kèm Tờ trình này):

**3.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:**

• **Các chỉ tiêu đạt được trong năm 2020 (hợp nhất) :**

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
					So với 2019	So với KH2020
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4/3</i>
1.	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.196	746	75,1%	62,4%
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.620	1.192	92%	73,6%
3.	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37,7	38,0	91%	100,8%

**Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020**

STT	CHỈ TIÊU	Báo cáo tài chính công ty mẹ	Báo cáo tài chính hợp nhất
1	Tổng tài sản	1.619.151.754.680	1.671.295.676.231
2	Vốn chủ sở hữu. Trong đó:	301.542.787.250	311.408.916.193
2.1	Vốn cổ phần	150.000.000.000	150.000.000.000
2.2	Thặng dư vốn cổ phần	23.218.959.196	23.218.959.196
2.3	Các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa PP	128.323.828.054	138.189.956.997
3	Tổng Doanh thu	1.103.749.276.187	1.192.207.894.445
4	Tổng chi phí (*)	1.067.281.796.738	1.154.188.689.451
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.467.479.449	38.019.204.994
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.226.200.931	16.424.364.624

(\*) Tổng chi phí bao gồm: Giá vốn hàng bán, Chi phí quản lý Doanh nghiệp, Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng và Chi phí khác

**8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:**

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.467.479.449	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	21.241.278.518	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 (3)=(1)-(2)	Đồng	15.226.200.931	
4	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019	Đồng	25.415.897.857	
5	<b>Tổng lợi nhuận còn lại (5)=(3)+(4)</b>	<b>Đồng</b>	<b>40.642.098.788</b>	
	Cổ tức phải trả năm 2019 (theo NQ ĐHĐCĐ năm 2020)	Đồng	18.000.000.000	Tỷ lệ 12%
6	Dự kiến cổ tức phải trả năm 2020	Đồng	18.000.000.000	Tỷ lệ 12%
7	<b>Lợi nhuận còn lại được phân bổ vào các quỹ (7)=(5)-(6)</b>	<b>Đồng</b>	<b>4.642.098.788</b>	<b>LN 2020 còn lại sau trả cổ tức</b>
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	2.500.000.000	1 tháng thu nhập bình quân
	Lợi nhuận chưa phân phối để lại	Đồng	2.142.098.788	

**9. Thông qua phương án trả chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021:**

9.1 Thù lao chi trả đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số thành viên	Thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt	Thù lao thực tế chi trả
1	Hội đồng quản trị	03	420.000.000	450.000.000
2	Ban Kiểm soát	03	240.000.000	240.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>660.000.000</b>	<b>690.000.000</b>

**Ghi chú:** Thù lao thực tế chi trả 450.000.000 đồng tăng so với thù lao được ĐHĐCĐ phê duyệt do thực tế chi trả 01 thành viên HĐQT (ông Đỗ Trọng Huân) tham gia HĐQT từ tháng 01/2020 đến tháng 03/2020.

- **Các chỉ tiêu đạt được trong năm 2020 (Công ty mẹ) :**

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
					So với 2019	So với KH2020
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4/3</i>
1.	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.134	655	73,9%	57,8%
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.542	1.104	90,1%	71,6%
3.	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	36,2	36,5	100,8%	100,7%
4.	Tỷ suất cổ tức	%	12%	12%	100%	100%

### 3.2 Kế hoạch triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021:

- **Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 (Công ty mẹ) :**

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ % so với TH 2020
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4/3</i>
1.	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	655	1.445	220,7%
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.104	1.333	120,8%
3.	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	36,5	37,8	103,7%
4.	Vốn Điều lệ	Tỷ đồng	150	300	200%
5.	Tỷ suất cổ tức	%	12%	6%	

\* *Ghi chú:* Tỷ suất cổ tức chi trả 6% trên vốn Điều lệ 300 tỷ đồng dự kiến tăng trong năm 2021.

- **Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 (Hợp nhất)**

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ % so với TH 2020
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4/3</i>
1.	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	746	1.556	208,5%
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.192	1.441	120,8%
3.	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	38,0	40,0	105,3%

4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 (Phụ lục 4- Đính kèm Tờ trình này)
5. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Phụ lục 5- Đính kèm Tờ trình này)
6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:
  1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
  2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC)
  3. Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
7. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020:

9.2 Thù lao chi trả đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021

❖ **Thù lao cho Hội đồng quản trị:**

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15.000.000 đồng/người/tháng.
- + Thành viên Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng.

❖ **Thù lao cho Ban kiểm soát:**

- + Trưởng ban kiểm soát: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- + Thành viên Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng.

Chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số thành viên	Thù lao đề xuất ĐHCĐ phê duyệt	Thù lao dự kiến chi trả
1	Hội đồng quản trị	03	420.000.000	420.000.000
2	Ban Kiểm soát	03	240.000.000	240.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>660.000.000</b>	<b>660.000.000</b>

10. Thông qua thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh Công ty (Phụ lục 6- Đính kèm Tờ trình này)
11. Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty (Phụ lục 7- Đính kèm Tờ trình này)
12. Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (Phụ lục 8, Phụ lục 9 - Đính kèm Tờ trình này)
13. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty (Phụ lục 10- Đính kèm Tờ trình này)
14. Thông qua phương án tăng vốn Điều lệ Công ty (Phụ lục 11- Đính kèm Tờ trình này)
15. Thông qua thành lập Công ty con - Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Xây dựng VINA2 (Phụ lục 12- Đính kèm Tờ trình này)
16. Thông qua thành lập Công ty con - Công ty Cổ phần Xây dựng VINA2 (Phụ lục 13- Đính kèm Tờ trình này)
17. Thông qua nội dung về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ đô thị VINA2 thành loại hình Công ty cổ phần (Phụ lục 14- Đính kèm Tờ trình này).

**Điều 2.** Giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các Ban chức năng nghiệp vụ có liên quan thực hiện các nội dung nêu trên và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định Điều lệ Công ty và của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc các Ban nghiệp vụ, Chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- BKS (để biết);
- Lưu VT; TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

*Đỗ Trọng Quỳnh*